TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 272/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2022
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Dương Thị Lan Ngọc
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Bà Nguyễn Thị Phượng Quyên
2/ Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Bà Phạm Thị Út Hậu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Txét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 166/21/1 đường N, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Thái Văn D, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 166/21/1 N, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thu T1 trình bày: Bà và ông Thái Văn D tự nguyện chung sống từ năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Đ theo Bản sao Trích lục kết hôn số 447/TLKH-BS, ngày 05/10/2017. Sau khi kết hôn hai bên chung sống được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung, ông bà ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Thái Văn D.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T1 khai có 03 con chung tên Thái Kim V, sinh năm 2000 – đã thành niên; Thái Mạnh C, sinh năm 2002 – đã thành niên và Thái Hoàng A, sinh ngày 16/12/2008. Ly hôn bà Nguyễn Thị Thu T1 yêu cầu được quyền trực tiếp

nuôi dưỡng con chung Thái Hoàng A và không yêu cầu ông Thái Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T1 khai hai bên tự thỏa thuận

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T1 khai hai bên không có.

Bị đơn ông Thái Văn D vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tphát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng từ khi vụ án được thụ lý cũng như tại phiên Tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 có đơn yêu cầu ly hôn ông Thái Văn D. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T1, bị đơn ông Thái Văn D.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Thái Văn D hiện đang cư trú tại quận Tnên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Tlà đúng thẩm quyền.

[4] Về thủ tục tố tụng: Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Xét nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, và kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Tthể hiện từ khi nguyên đơn nộp đơn ly hôn đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt để bị đơn trình bày ý kiến cũng như hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt thể hiện bị đơn không tôn trọng pháp luật và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không còn tin tưởng; không muốn tiếp tục chung sống với bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về con chung: 03 con chung tên Thái Kim V, sinh năm 2000 – đã thành niên; Thái Mạnh C, sinh năm 2002 – đã thành niên và Thái Hoàng A, sinh ngày 16/12/2008. Ly hôn bà Nguyễn Thị Thu T1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thái Hoàng Anh và không yêu cầu ông Thái Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận định: Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến nhưng vắng mặt không lý do, hiện nay do con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, việc giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ, do đó xét thấy yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bị đơn.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T1 khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T1 khai hai bên không có.

Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T1 được ly hôn ông Thái Văn D.

Về quan hệ con chung: 03 con chung tên Thái Kim V, sinh năm 2000 – đã thành niên; Thái Mạnh C, sinh năm 2002 – đã thành niên và Thái Hoàng A, sinh ngày 16/12/2008. Giao bà Nguyễn Thị Thu T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thái Hoàng A.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Thái Văn D do bà Nguyễn Thị Thu T1 chưa có yêu cầu.

Ông Thái Văn D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không được trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T1 khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T1 khai hai bên không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Thu T1 nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Thu T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0030955 ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Tthành tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lan Ngọc